

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

Đối với dự thảo: Nghị quyết Quy định chính sách thúc đẩy phát triển cơ chế cộng sinh công nghiệp và hình thành các Khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2050

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị quyết nêu trên trên cơ sở Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 được Quốc hội khóa XVI đã thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2026 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026). Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết này được xây dựng trên cơ sở quán triệt và cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương chỉ đạo của Trung ương tại các văn bản sau:

a) Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065:

- Xác định Đồng Nai là cực tăng trưởng công nghiệp trọng điểm vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; yêu cầu phát triển hệ thống khu công nghiệp (KCN) hiện đại, thông minh, sinh thái, trở thành mô hình tiêu biểu của cả nước;

- Chỉ rõ: phát triển cộng sinh công nghiệp, kinh tế tuần hoàn là một trong ba đột phá chiến lược; hình thành chuỗi liên kết, tái sử dụng phụ phẩm, năng lượng, nước thải sau xử lý;

- Mục tiêu: đến năm 2035, hầu hết các KCN trên địa bàn đạt chuẩn sinh thái; các KCN mới phải đáp ứng tiêu chuẩn sinh thái ngay từ quy hoạch; đến năm 2065, xây dựng Đồng Nai thành trung tâm công nghiệp xanh, thông minh, bền vững khu vực và quốc tế.

b) Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:

- Xác định phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một trong những động lực quan trọng của kinh tế quốc dân;

- Xác định phát triển bền vững là một trong ba đột phá chiến lược;

- Yêu cầu xây dựng môi trường đầu tư hiện đại, minh bạch, hấp dẫn; phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn, công nghiệp sinh thái, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm phát thải khí nhà kính;

- Đặt mục tiêu cụ thể: đến năm 2030, trên phạm vi cả nước có khoảng 10% tổng số KCN được công nhận đạt chuẩn KCN sinh thái;

- Yêu cầu chính quyền địa phương xây dựng chính sách ưu đãi đồng bộ về đất đai, tín dụng, thủ tục hành chính; thu hút dự án công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường;

- Định hướng: các KCN mới thành lập và chuyển đổi hiện hữu phải đáp ứng tiêu chuẩn sinh thái, nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững.

c) Kết luận số 75-KL/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới:

- Xác định bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu là vấn đề sống còn, là yêu cầu cấp bách, là nội dung trọng yếu trong phát triển bền vững đất nước;

- Yêu cầu phát triển mô hình khu công nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, cộng sinh công nghiệp là giải pháp đột phá nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải;

- Đặt mục tiêu cụ thể: đến năm 2030, đạt tỷ lệ khoảng 10% tổng số KCN trên toàn quốc được công nhận đạt chuẩn khu công nghiệp sinh thái;

- Chỉ rõ: các KCN mới thành lập phải đáp ứng tiêu chuẩn sinh thái ngay từ quy hoạch; ưu tiên chuyển đổi các KCN hiện hữu; gắn phát triển khu công nghiệp sinh thái với thu hút đầu tư chất lượng cao, công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường.

d) Chương trình hành động số 31-Ctr/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới:

- Quy định lộ trình, mục tiêu, giải pháp trọng tâm triển khai Kết luận số 75-KL/TW trên toàn quốc; phân công rõ trách nhiệm các cấp, các ngành;

- Khẳng định phát triển khu công nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, cộng sinh công nghiệp là một trong những giải pháp đột phá; xây dựng chính sách ưu đãi đồng bộ về đất đai, tài chính, tín dụng xanh, thủ tục hành chính;

- Chi tiết hóa mục tiêu: đến năm 2030 khoảng 10% tổng số KCN trên cả nước đạt chuẩn sinh thái;

- Yêu cầu các địa phương xây dựng kế hoạch hành động, chính sách phù hợp; bố trí nguồn lực; định kỳ báo cáo tiến độ; phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của chính quyền địa phương và cộng đồng doanh nghiệp.

đ) Nghị quyết số 280/NQ-CP của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: Trong đó, một số chính sách thúc đẩy phát triển KCN sinh thái, kinh tế tuần hoàn và cộng sinh công nghiệp:

- Quy định chính sách hỗ trợ cụ thể: khuyến khích địa phương ban hành cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế, phí, lệ phí; rút ngắn thủ tục hành chính;

- Yêu cầu xây dựng lộ trình chuyển đổi, tiêu chí chứng nhận, phân công trách nhiệm; huy động nguồn lực từ ngân sách, Quỹ Bảo vệ môi trường, tín dụng xanh và vốn xã hội;

- Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo, mua bán điện dư, tham gia thị trường tín chỉ các-bon.

g) Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH15 ngày 24 tháng 8 năm 2026:

- Luật 18/2026/QH15 trao rõ thẩm quyền cho HĐND Thành phố Đồng Nai quy định chính sách giảm tiền thuê đất, hỗ trợ tín dụng xanh, khu công nghiệp sinh thái, rút ngắn thủ tục hành chính, cụ thể hóa cơ chế ưu đãi phù hợp thực tế địa phương: các nội dung cốt lõi của Nghị quyết hoàn toàn phù hợp và có căn cứ pháp lý trực tiếp.

- Điểm mấu chốt: Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026, quy định rõ thẩm quyền, chính sách hỗ trợ phát triển đô thị và KCN sinh thái. Các điều khoản trực tiếp làm căn cứ:

Điều khoản	Nội dung quy định	Áp dụng vào Nghị quyết
Điểm k khoản 1 Điều 14: Phát triển hạ tầng giao thông, vận tải, logistics và bảo vệ môi trường	“Điều 14. Phát triển hạ tầng giao thông, vận tải, logistics và bảo vệ môi trường 1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách, biện pháp về: ... k) Tiêu chí khu, cụm công nghiệp sinh thái trên địa bàn Thành phố và lộ trình, cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi khu, cụm công nghiệp đang hoạt động thành khu, cụm công nghiệp sinh thái.”	Xác định tiêu chí, lộ trình, cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi khu công nghiệp đang hoạt động thành khu công nghiệp sinh thái.
Điểm k khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 39 - Thu hút đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển doanh nghiệp	“Điều 39. Thu hút đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển doanh nghiệp 1. Các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố được ưu đãi, hỗ trợ bao gồm: ... k) Dự án phát triển doanh nghiệp sinh thái; dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp hỗ trợ, khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp;” “2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện dự án quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây: a) Miễn tiền thuê đất theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ	Cơ sở trực tiếp ban hành chính sách giảm tiền thuê đất, tín dụng xanh, rút ngắn thủ tục tại Điều 4, 5, 6 Nghị quyết

Điều khoản	Nội dung quy định	Áp dụng vào Nghị quyết
	<i>trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được giảm 50% tiền thuê mặt bằng sản xuất, kinh doanh tại các trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố;</i> <i>b) Thu nhập từ thực hiện dự án được áp dụng mức thuế suất quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và được áp dụng mức miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.”</i>	

h) Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15:

Xác định thẩm quyền ban hành Nghị quyết; Xác định phạm vi và đối tượng điều chỉnh; Quy định trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết; Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện.

i) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 21 tháng 6 năm 2025:

Theo đó, ngày 01/7/2025 Chính phủ ban hành Nghị định số 187/2025/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật:

- Quy định trình tự, hồ sơ, thẩm quyền soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND cấp tỉnh;

- Đảm bảo quy trình lập hồ sơ, trình Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thành phố theo đúng quy định.

k) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024:

- Điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 155: Căn cứ tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; thời điểm định giá đất, thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (trong đó có: Chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất của Nhà nước; Chính sách miễn, giảm tiền thuê đất của Nhà nước): đây là 02 công cụ pháp lý quan trọng của Nhà nước nhằm hỗ trợ an sinh xã hội, khuyến khích đầu tư và phát triển kinh tế.

- Điều 157: Quy định việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

l) Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020:

- Điều 142: Khuyến khích mô hình kinh tế tuần hoàn, trong đó các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý và thực hiện biện pháp để giảm khai thác tài nguyên, giảm chất thải, nâng cao mức độ tái sử dụng và tái chế chất thải ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hóa đến giai đoạn sản xuất, phân phối.

- Điều 91: Xây dựng hệ thống báo cáo giảm phát thải khí nhà kính, quản lý dữ liệu môi trường;

- Điều 139: Tổ chức và phát triển thị trường các-bon, trong đó quy định hằng năm, lập báo cáo mức giảm phát thải khí nhà kính để thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở theo hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Nông nghiệp và Môi trường) và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trước ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo.

- Từ Điều 148-152: quy định các nguồn lực cho bảo vệ môi trường, trong đó có: Tín dụng xanh; Trái phiếu xanh; Quỹ bảo vệ môi trường; Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng chuyển giao công nghệ về bảo vệ môi trường.

m) Nghị định số 243/2026/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện lớn và Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới:

- Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo, lắp đặt trên mái nhà trong KCN, mua bán điện dư với lưới điện quốc gia;

- Công ty Điện lực có nghĩa vụ kết nối, mua điện dư theo giá quy định;

- Cơ sở thực hiện cộng sinh năng lượng trong KCN sinh thái.

n) Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế:

- Quy định về chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái; Thu hồi chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái; Chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái;

- Trách nhiệm của Ban Quản lý các khu công nghiệp, Khu kinh tế;

- Cơ sở tổ chức chứng nhận, quản lý, giám sát thực hiện.

- Tiêu chí chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái; Thành lập mới khu công nghiệp sinh thái;

- Các ưu đãi cho khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái.

1.2. Cơ sở thực tiễn

- Thành phố Đồng Nai là trung tâm công nghiệp trọng điểm phía Nam, quy hoạch phát triển tổng cộng 89 khu công nghiệp (KCN) với tổng diện tích khoảng 43.386,10 ha, cụ thể: 44 KCN đang hoạt động, tổng diện tích khoảng 15.183,93 ha; 45 KCN được quy hoạch phát triển trong giai đoạn 2021-2030, tổng diện tích khoảng 28.202,17 ha; Tổng diện tích đất đã cho thuê khoảng 7.779 ha; Diện tích đất còn có thể cho thuê khoảng 1.412 ha; Tỷ lệ lấp đầy bình quân khoảng 54,37%.

- Thực trạng phát triển còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục:

+ Chưa có KCN nào được công nhận đạt chuẩn sinh thái;

+ Mô hình cộng sinh công nghiệp - trao đổi, tái sử dụng năng lượng, nước, phụ phẩm, chất thải giữa các doanh nghiệp chưa được hình thành đồng bộ;

+ Hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng, nước còn chưa cao; phát thải khí nhà kính chưa được quản lý thống nhất;

+ Tỷ lệ lấp đầy 54,37% cho thấy còn nhiều dư địa thu hút đầu tư; việc chuyển đổi theo mô hình sinh thái sẽ tạo lợi thế cạnh tranh vượt trội, nâng cao tỷ lệ lấp đầy và chất lượng dự án;

- Chưa có cơ chế chính sách cụ thể, đồng bộ để khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi xanh, ứng dụng công nghệ sạch, tham gia thị trường tín chỉ các-bon.

- Khoảng trống chính sách: Các quy định hiện hành mới nêu nguyên tắc chung, chưa cụ thể hóa cơ chế giảm tiền thuê đất, tín dụng xanh, hỗ trợ lãi suất, rút ngắn thủ tục hành chính; chưa có cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị; chưa quy định thống nhất về chứng nhận khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

2.1. Mục đích đánh giá

Việc tiến hành đánh giá các nội dung (thủ tục hành chính, phân cấp, khoa học công nghệ, giới, dân tộc) nhằm đạt được 3 mục đích cốt lõi:

- Bảo đảm tính hợp pháp và đồng bộ: Kiểm tra xem các chính sách ưu đãi, hỗ trợ kinh tế tuần hoàn trong dự thảo có xung đột hay chồng chéo với các Luật hiện hành hay không (như Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường).

- Tối ưu hóa nguồn lực thực thi: Đo lường gánh nặng hành chính và chi phí tuân thủ của doanh nghiệp, từ đó thiết kế quy trình cấp chứng nhận KCN sinh thái tinh gọn nhất.

- Toàn diện hóa tác động xã hội: Chuyển hóa một văn bản mang tính kỹ thuật - kinh tế thuần túy thành một chính sách phát triển bền vững, bảo đảm các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương (lao động nữ, người dân tộc thiểu số tại địa phương) không bị gạt ra ngoài lề khi KCN thực hiện cơ cấu lại công nghệ.

2. Yêu cầu đánh giá

Quá trình đánh giá tuân thủ nghiêm ngặt 4 yêu cầu cốt lõi sau:

- Tính khách quan, khoa học: Đánh giá phải dựa trên số liệu thực tế về quy mô doanh nghiệp, thực trạng công nghệ hiện tại của các KCN Đồng Nai và các tiêu chuẩn quốc tế (như khung ESG, tiêu chí UNIDO), không nhận định cảm tính.

- Tính thực tiễn và khả thi: Các giải pháp kiến nghị (ví dụ: rút ngắn 80% thời gian thủ tục hành chính) phải nằm trong năng lực xử lý hiện tại của các cơ quan liên quan và cải cách thủ tục hành chính, không làm phát sinh thêm bộ máy, tổ chức mới.

- Tính lồng ghép xuyên suốt: Việc đánh giá bình đẳng giới hay chính sách dân tộc phải được thể hiện rõ và đi vào thực chất, đồng thời cũng chỉ ra được tác động trực tiếp của dòng vốn công nghệ sạch đến cơ cấu việc làm và đề xuất được điều khoản bổ sung cụ thể.

- Tính minh bạch và công khai: Kết quả đánh giá phải được công bố rộng rãi cùng với hồ sơ dự thảo để lấy ý kiến phản biện từ các chuyên gia, hiệp hội doanh nghiệp và cộng đồng dân cư chịu tác động xung quanh các KCN.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị quyết phát sinh và điều chỉnh các nội dung liên quan trực tiếp đến thủ tục hành chính tại Điều 11, Điều 13 và Điều 15, cụ thể:

1.1. Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến đáp ứng tiêu chí và cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái (Điều 15)

- Sự cần thiết và tính hợp pháp: Thủ tục này là bắt buộc để sàng lọc, xác định chính xác các đối tượng thụ hưởng các chính sách ưu đãi kinh tế tuần hoàn của Thành phố. Căn

cứ pháp lý dựa trên thẩm quyền được giao tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Tính hợp lý và giảm thiểu chi phí tuân thủ:

+ Dự thảo quy định nghiêm ngặt: Không thu phí, lệ phí đối với thủ tục cấp chứng nhận khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái (khoản 3 Điều 15). Quy định này loại bỏ hoàn toàn gánh nặng chi phí hành chính ban đầu, khuyến khích doanh nghiệp tự nguyện tham gia sản xuất sạch hơn.

+ Trình tự, hồ sơ và thời gian giải quyết được đồng bộ theo khung pháp lý chung về quản lý khu công nghiệp hiện hành (Khoản 2 Điều 15), bảo đảm tính nhất quán, không làm phát sinh thêm các thành phần hồ sơ mang tính cục bộ.

1.2. Chính sách giảm thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính (Điều 13)

- Nội dung cải cách: Dự thảo quy định thời gian giải quyết các TTHC liên quan đến khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái thuộc thẩm quyền quyết định của thành phố không quá 80% thời gian so với quy định hiện hành.

- Đánh giá tác động kinh tế: Việc cắt giảm tối thiểu 20% thời gian xử lý hồ sơ hành chính tạo ra lợi thế cạnh tranh lớn, giảm chi phí cơ hội cho nhà đầu tư khi thực hiện các dự án hạ tầng xanh đòi hỏi tiến độ nhanh (như trạm xử lý tái sử dụng nước thải, hệ thống điện mặt trời mái nhà, hệ thống cấp hơi tập trung).

- Giới hạn an toàn pháp lý: Quy định loại trừ rõ ràng, không áp dụng rút ngắn đối với các thủ tục thuộc thẩm quyền xử lý của các cơ quan Trung ương hoặc các trường hợp pháp luật quy định thời hạn bắt buộc (như thời gian thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường), đảm bảo tính thượng tôn pháp luật.

II. Việc phân cấp, phân quyền trong thực hiện nhiệm vụ

Dự thảo Nghị quyết thiết lập cơ chế phân cấp trực tiếp, phân định rõ trách nhiệm giữa các cấp và các cơ quan chuyên môn nhằm nâng cao hiệu lực thực thi:

2.1. Phân cấp toàn diện cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Thành phố (Điều 15)

- Nội dung phân cấp: Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế được giao vai trò là cơ quan đầu mối duy nhất để chịu trách nhiệm toàn bộ quy trình: tiếp nhận hồ sơ, chủ trì lấy ý kiến các sở ngành liên quan, phối hợp theo dõi, giám sát sau cấp phép và xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành được quy định rõ trong Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Tính khả thi và tổ chức bộ máy: Mô hình phân cấp này tuân thủ triệt để nguyên tắc tại khoản 6 Điều 2: “Không thành lập cơ quan, tổ chức hoặc đơn vị mới để thực hiện Nghị quyết”.

2.2. Phân cấp xây dựng quy trình kỹ thuật cho Ủy ban nhân dân thành phố (Điều 11)

- Nội dung phân cấp: Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm ban hành quy định chi tiết về trình tự, thủ tục hành chính, hồ sơ để triển khai chính sách giảm tiền thuê đất (khoản 11 Điều 11).

- Đánh giá điều kiện bảo đảm: Việc phân cấp này giúp cơ quan hành pháp chủ động cân đối linh hoạt giữa nguồn thu ngân sách địa phương với mức độ ưu đãi đất đai theo từng giai đoạn phát triển cụ thể của Thành phố.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

Nghị quyết đặt khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu để thay thế mô hình tăng trưởng công nghiệp truyền thống (Điều 4):

3.1. Xây dựng nền tảng dữ liệu công nghiệp dùng chung phục vụ quản trị xanh (Điều 5, Điều 6, Điều 7):

- Giải pháp chuyển đổi số:

Đến năm 2030: Xây dựng hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu tích hợp về tài nguyên, năng lượng, nước, chất thải, phụ phẩm và mạng lưới quan hệ cộng sinh công nghiệp trên địa bàn toàn thành phố.

Đến năm 2035 và tầm nhìn 2050: Hoàn chỉnh nền tảng dữ liệu công nghiệp phục vụ quản trị phát thải và số hóa toàn bộ hệ thống báo cáo Tiêu chuẩn Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG).

- Hiệu quả mang lại: Thay thế hoàn toàn phương thức báo cáo thủ công. Hệ thống phần mềm số sẽ tự động phân tích dòng chất thải/nhiệt dư của các doanh nghiệp trong KCN, từ đó tự động phát hiện và gợi ý, kết nối các cơ hội cộng sinh công nghiệp (ví dụ: kết nối nhà máy xả nhiệt dư với nhà máy cần năng lượng sấy phụ phẩm).

3.2. Thúc đẩy đổi mới công nghệ sạch và kinh tế tuần hoàn tại doanh nghiệp (Điều 9, Điều 10, Điều 12)

- Giải pháp ứng dụng công nghệ: Nghị quyết định hình cơ chế hỗ trợ tài chính mạnh mẽ thông qua Quỹ Bảo vệ môi trường và hỗ trợ lãi suất ngân sách lên đến 4%/năm (Điều 12) để thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư:

+ Hệ thống quan trắc tự động và giám sát môi trường tự động kết nối trực tiếp với cơ quan quản lý.

+ Công nghệ sạch, công nghệ tuần hoàn, công nghệ thu hồi nhiệt, hơi và tái sử dụng nước thải đã qua xử lý.

+ Số hóa quy trình tham gia thị trường tín chỉ carbon và cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA).

- Hiệu quả quản lý: Việc chuyển đổi số trong kiểm soát phát thải giúp thành phố giám sát chặt chẽ, minh bạch các chỉ số phát thải thấp, ngăn chặn các hành vi gian lận môi trường dựa trên dữ liệu số theo thời gian thực.

IV. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Quy định của dự thảo Nghị quyết hướng tới việc tạo dựng môi trường lao động bền vững, bình đẳng:

4.1. Không tạo rào cản giới: Các chính sách ưu đãi giảm tiền thuê đất (Điều 11) hay hỗ trợ tín dụng (Điều 12) áp dụng bình đẳng cho mọi chủ đầu tư và doanh nghiệp sinh thái không phân biệt giới tính của người đại diện theo pháp luật hoặc chủ sở hữu doanh nghiệp.

4.2. Cải thiện môi trường làm việc cho lao động nữ: Việc khuyến khích doanh nghiệp áp dụng bộ Tiêu chuẩn ESG (khoản 7 Điều 3, Điều 4), trong đó có cấu phần Xã hội (Social): bắt buộc các doanh nghiệp trong KCN sinh thái phải cam kết bảo đảm bình đẳng giới trong thu nhập, cơ hội thăng tiến và các chế độ bảo hộ lao động đặc thù cho phụ nữ.

4.3. Chia sẻ hạ tầng an sinh: Cơ chế khuyến khích chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng và dịch vụ xã hội tại KCN (điểm d khoản 4 Điều 5) tạo tiền đề hình thành các tiện ích dùng chung như nhà trẻ, cơ sở y tế cho con em công nhân, giúp giảm áp lực cho lao động nữ tại các KCN.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Nghị quyết bảo đảm nguyên tắc tiếp cận đồng đều và thúc đẩy phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

5.1. Phát triển mạng lưới công nghiệp cân bằng: Chính sách chuyển đổi và thành lập mới các KCN sinh thái (Điều 1, Điều 5) mở ra cơ hội dịch chuyển dòng vốn đầu tư xanh về các KCN nằm gần khu vực vùng ven, địa bàn có đồng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Đồng Nai, thúc đẩy tạo việc làm tại chỗ.

5.2. Hỗ trợ sinh kế và chuyển đổi nghề nghiệp: Tại Khoản 7 Điều 2 quy định rõ: Khi tiến hành chuyển đổi, tái cấu trúc KCN hiện hữu, việc xử lý chuyển tiếp đối với dự án, đất đai và đặc biệt là quyền lợi hợp pháp của người lao động phải thực hiện theo quy định bảo chính. Điều này giúp nhóm lao động là người dân tộc thiểu số (vốn có tỷ lệ lao động phổ thông cao) được đào tạo nghề, nâng cao năng lực để thích ứng với các công nghệ sạch, công nghệ tuần hoàn mới.

5.3. Bảo vệ an ninh môi trường sống: Việc thúc đẩy KCN sinh thái giúp giảm chất thải, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ nguồn nước và bầu không khí của các khu vực lân cận KCN. Điều này mang lại lợi ích trực tiếp về an sinh và sức khỏe cho cộng đồng dân cư xung quanh, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Dự thảo Nghị quyết bảo đảm tính đồng bộ vững chắc giữa mục tiêu phát triển kinh tế tuần hoàn với công tác cải cách hành chính, cụ thể:

- Thủ tục hành chính: Được thiết kế theo hướng đơn giản, tiết kiệm chi phí và cam kết cắt giảm mạnh mẽ thời gian giải quyết thuộc thẩm quyền địa phương.

- Phân cấp quản lý: Rõ đầu mối, sử dụng hiệu quả bộ máy hiện có và không làm phát sinh thêm biên chế công chức.

- Chuyển đổi số: Xây dựng được hạ tầng dữ liệu số đóng vai trò nền tảng bắt buộc để vận hành hệ sinh thái công nghiệp sinh thái.

Đề Nghị quyết triển khai đạt hiệu quả ngay sau khi ban hành, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế kính đề nghị Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thành phố xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết./.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CNC (TT).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Việt Phương